

Quản trị toàn cầu hiện nay

TS. NGUYỄN THỊ KHUYÊN

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: nguyengkhuynajc@gmail.com

Nhận ngày 19 tháng 6 năm 2024; chấp nhận đăng tháng 9 năm 2024.

Tóm tắt: Quản trị toàn cầu (global governance) là tổng thể mối quan hệ tác động hướng đích của các chủ thể khu vực và toàn cầu lên các quốc gia, tổ chức kinh tế, xã hội và người dân nhằm thực hiện mục tiêu tồn tại và phát triển chung của nhân loại. Quản trị toàn cầu đã trở thành hiện thực và đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy trong quản trị nhà nước cũng như trong quản trị doanh nghiệp. Bài viết tập trung làm rõ một số vấn đề lý luận về quản trị toàn cầu, khái quát thực trạng về quản trị toàn cầu và những đặc điểm của quản trị toàn cầu hiện nay.

Từ khóa: quản trị toàn cầu; thể chế; cường quốc; tổ chức quốc tế.

Abstract: Global governance refers to the comprehensive and targeted interactions among regional and global actors with nations, economic organizations, societies, and individuals to achieve the shared goals of human survival and development. The article explores the nature, causes of formation, actors, and characteristics of global governance. Global governance has become a reality, raising the need for innovation in state governance as well as in corporate governance. The article focuses on clarifying several theoretical issues related to global governance, summarizes the current situation of global governance, and highlights the characteristics of contemporary global governance.

Keywords: global governance; institutions; major powers; international organizations.

1. Khái niệm và nguyên nhân của quản trị toàn cầu

1.1. Khái niệm quản trị và nguyên nhân xuất hiện của quản trị toàn cầu

Quản trị là khái niệm rộng và được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Tùy theo góc độ tiếp cận mà các nhà khoa học có định nghĩa khác nhau về quản trị.

Theo Heinz Wehrlich [Quản trị là nghệ thuật đạt được mục đích thông qua nỗ lực của những người khác⁽¹⁾]. Với cách hiểu này quản trị chính hoạt động của chủ thể quản trị, tác động để đối tượng quản trị nỗ lực hoàn thành mục tiêu quản trị. Mục tiêu quản trị do nhà quản trị đặt ra. Theo D.Torrington [Quản trị là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản trị lên đối tượng quản trị và khách thể quản trị nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, cơ hội của hệ thống để đạt được mục tiêu trong điều kiện biến động của môi trường⁽²⁾]. Quan điểm này thể hiện rõ tính chủ động của chủ thể quản trị trong việc đánh giá những yếu tố tác động, xác định mục tiêu quản trị và huy động, điều phối các nguồn lực để đạt được mục tiêu quản trị. Theo C.A.Bartlett, S.Ghoshal (1989), [Quản trị là phối hợp có hiệu quả các hoạt động của những cộng sự khác nhau trong cùng một tổ chức⁽³⁾].

Tựu chung, quản trị là mối quan hệ giữa con người

với con người trong tổ chức, là sự tác động có hướng đích của chủ thể quản trị lên đối tượng quản trị nhằm đạt được mục tiêu quản trị đề ra. Vậy nói tới quản trị luôn gắn liền với khái niệm tổ chức, một nhóm người, cộng đồng người có chung đặc điểm, chung mục tiêu và lý tưởng tồn tại và hoạt động. Tổ chức có thể là một cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội, tôn giáo, văn học nghệ thuật, cũng có thể là một quốc gia, một khu vực hoặc toàn cầu. Khi xem xét hoạt động quản trị với một tổ chức cụ thể như vậy, mọi hoạt động quản trị luôn dựa trên các yếu tố thuộc môi trường bên trong và bên ngoài tổ chức. Các chức năng chủ yếu của quản trị là lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Quản trị luôn bám sát những nguyên tắc cơ bản như đảm bảo sự thống nhất giữa lãnh đạo chính trị và lãnh đạo kinh tế; đảm bảo thống nhất giữa tập trung và dân chủ; đảm bảo kết hợp hài hòa lợi ích; nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả. Quản trị được tiến hành bằng nhiều phương pháp và công cụ khác nhau: phương pháp hành chính, phương pháp kinh tế, phương pháp tâm lý giáo dục. Các phương pháp luôn được kết hợp hài hòa với nhau bởi mỗi phương pháp có những ưu và nhược điểm riêng.

Quản trị toàn cầu (global governance) là khái niệm được đề cập tới sau chiến tranh lạnh. Trên thế giới có những quan điểm khác nhau về quản trị toàn cầu. Giáo

sư, Tiến sĩ Michael Zürn trong nghiên cứu quản trị toàn cầu của Wissenschaftszentrum Berlin für Sozialforschung (WZB) đã cho rằng "quản trị toàn cầu là sự hình thành các thể chế của các tổ chức khu vực và toàn cầu, có thể là liên chính phủ hoặc xuyên quốc gia cũng như quốc tế hoặc siêu quốc gia"⁽³⁾.

Tác giả Nguyễn Viết Thảo cho rằng quản trị toàn cầu là "quản trị đa trung tâm, đa cấp độ, không có chính phủ và bao quát toàn thể giới như một chính thể. Đó là quản trị toàn cầu không chính phủ (global governance without global government)"⁽⁴⁾.

Các nhà nghiên cứu thuộc Viện Hàn lâm khoa học xã hội cho rằng quản trị toàn cầu thực chất là "quản trị một cách tập thể đối với các vấn đề chung ở cấp độ quốc tế, là quản trị trật tự thế giới từ sau chiến tranh lạnh hướng tới mục đích tự do, dân chủ, thị trường mở và an ninh chung"

Vậy có thể hiểu quản trị toàn cầu (global governance) là tổng thể mối quan hệ tác động hướng đích của các chủ thể khu vực và toàn cầu lên các quốc gia, tổ chức kinh tế, xã hội và người dân nhằm thực hiện mục tiêu tồn tại và phát triển chung của nhân loại. Quản trị toàn cầu hiện nay vẫn đang chịu sự chi phối, dẫn dắt bởi các đại cường quốc, trong khi các đại cường quốc đang không ngừng tranh giành vị trí dẫn đầu để có thể củng cố địa vị dẫn dắt toàn cầu theo mục tiêu của mình.

1.2. Nguyên nhân hình thành quản trị toàn cầu

Quản trị toàn cầu hình thành bởi hai nhóm nguyên nhân chính: một là nhóm nguyên nhân xem xét dưới góc độ lý luận; hai là, nhóm nguyên nhân dưới góc độ thực tiễn.

Nguyên nhân được xem xét ở góc độ lý luận:

Quản trị toàn cầu là một nội dung thuộc về quan hệ sản xuất xã hội. Dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan hệ quản trị là một mặt của quan hệ sản xuất, chịu sự quyết định của sự phát triển lực lượng sản xuất, của quan hệ sở hữu, đồng thời tác động trở lại lực lượng sản xuất và quan hệ sở hữu theo hướng có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm. Cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI, trên nền tảng các thành tựu vĩ đại của cách mạng công nghiệp lần thứ ba, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với nội dung cơ bản là sự ra đời của trí tuệ nhân tạo, big data, Internet kết nối vạn vật, quan hệ sở hữu đã nhanh chóng thay đổi, đối tượng sở hữu dịch chuyển rõ nét sang những tư liệu sản xuất mới như: tri thức, thông tin, nền tảng công nghệ. Quản trị toàn cầu hình thành rõ nét. Chủ thể, đối tượng, phương pháp, công cụ quản trị toàn cầu xuất hiện. Thực tế đòi hỏi phải có nghiên

cứu sâu sắc về chủ đề này.

Sự phát triển nhanh chóng của khoa học xã hội, khoa học quản trị hiện đại, những thành tựu khoa học công nghệ thế kỷ XXI đã cho thấy tính quy luật của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế. Hệ thống lý luận về toàn cầu hóa nói chung, toàn cầu hóa về kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội đang hình thành và phát triển mạnh mẽ, cung cấp cơ sở lý luận cho sự hình thành và phát triển của lý luận quản trị toàn cầu.

Nguyên nhân thực tiễn:

Dưới góc độ thực tiễn, quản trị toàn cầu có nguồn gốc từ thất bại của cơ chế kinh tế thị trường và vai trò quản trị của chính phủ các nước. Sự thất bại của thị trường biểu hiện ở tình trạng vô chính phủ và các cuộc khủng hoảng, tình trạng độc quyền, phân hóa, bất công xã hội và ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng. Thất bại trong vai trò quản trị của nhà nước thể hiện ở tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, cứng nhắc và kém hiệu quả trong điều hành kinh tế.

Bên cạnh đó, quản trị toàn cầu có nguyên nhân từ thực tiễn kinh tế, xã hội, môi trường và chính trị:

Nguyên nhân kinh tế sâu xa bắt nguồn từ sự phát triển của lực lượng sản xuất, tính chất xã hội hóa cực cao của quan hệ sản đã đặt ra yêu cầu mở rộng không gian kinh tế, hình thành quan hệ kinh tế quốc tế, nền kinh tế toàn cầu trở thành một khối thống nhất, phụ thuộc, cùng phát triển. Nguyên nhân kinh tế cụ thể của quản trị kinh tế toàn cầu có nguồn gốc từ sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế về các yếu tố đầu vào và thị trường đầu ra; Từ thực trạng khủng hoảng kinh tế triền miên và luôn tiềm ẩn các nguy cơ khủng hoảng mới đặt ra nhu cầu sống còn phải xác lập một cơ chế quản trị hữu hiệu trên quy mô thế giới. Bùng nổ các hoạt động kinh tế vượt khỏi biên giới quốc gia, vượt khỏi năng lực quản trị của các chính phủ riêng lẻ. Sự xuất hiện của các tổ chức kinh tế quốc tế, như Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) là một số thể chế toàn cầu, đã tỏ rõ vai trò trong xây dựng khung khổ chung cho sự phát triển kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, quá trình vận động của nền kinh tế toàn cầu cũng đặt ra yêu cầu mới cho sự phát triển các thể chế toàn cầu. Bước phát triển mới cho các thể chế kinh tế toàn cầu cần dựa trên cơ sở khoa học về quản trị toàn cầu, nhằm tạo ra sự phát triển bền vững cho nền kinh tế thế giới.

Nguyên nhân xã hội và môi trường: Thế giới đang phải đối diện với nhiều vấn đề như đói nghèo, bệnh tật, ô nhiễm môi trường sinh thái. Các vấn đề này mỗi nước

đơn lẻ sẽ không thể giải quyết được, cần có sự phối hợp giữa các quốc gia với nhau, đó là nguyên nhân quan trọng dẫn đến các thể chế chính trị, xã hội quốc tế ra đời như Tổ chức Y tế Thế giới, Chương trình Lương thực Thế giới, UNESCO và UNICEF□

Nguyên nhân chính trị: cơ cấu quyền lực quốc tế đã có nhiều thay đổi, thế giới trở nên đa cực, trung tâm quyền lực vẫn giữ xu hướng dịch chuyển từ tây sang đông, quyền lực dần dất vẫn thuộc về các đại cường quốc. Tuy nhiên, sự trỗi dậy của một số nước lớn cũng tạo ra thế cân bằng quyền lực mới trong môi trường chính trị toàn cầu. Các cường quốc một mặt vẫn dẫn dắt sự phát triển của thế giới, mặt khác cũng phải đảm bảo hài hòa lợi ích với các quốc gia khác và cộng đồng quốc tế□ Cơ cấu quyền lực và cơ chế quốc tế cũ được hình thành từ năm 1945 không còn phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị, an ninh, quân sự và quan hệ quốc tế hiện nay. Cơ cấu quyền lực cũ trong hệ thống quyền lực toàn cầu lấy mục tiêu chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội, chống Liên Xô không còn. Cơ chế nắm quyền phủ quyết của năm nước trong thường trực Hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc; Cơ chế biểu quyết dựa trên cơ sở mức đóng góp tài chính (1USD = 1 phiếu). Thay vào đó cần có một cơ chế quản trị toàn cầu mới với vai trò của các tổ chức quốc tế, các lực lượng xuyên quốc gia, các tổ chức phi chính phủ và các thiết chế khu vực khác.

Bối cảnh lý luận và thực tiễn cung cấp các điều kiện và đặt ra yêu cầu phát triển lý luận quản trị toàn cầu (global governance) với quản trị đa trung tâm, đa cấp độ, không có chính phủ và bao quát toàn thế giới như một chính thể nhằm mục tiêu phát triển thế giới trong hiện tại và tương lai.

2. Các chủ thể và tính chất của quản trị toàn cầu

2.1. Các chủ thể quản trị toàn cầu

Trong quản trị toàn cầu, có bốn chủ thể quyền lực chính trị cơ bản, đóng vai trò chủ thể trong quản trị toàn cầu bao gồm: các chính phủ, các tổ chức quốc tế chính thức, các tổ chức xã hội dân sự toàn cầu và các lực lượng xuyên quốc gia. Mỗi chủ thể có vai trò riêng trong quản trị toàn cầu. Mặc dù mỗi chủ thể có mục tiêu quản trị khác nhau, chính phủ các quốc gia hướng tới mục tiêu phát triển hùng cường, bảo vệ lợi ích cho giai cấp thống trị ở quốc gia đó. Các tổ chức quốc tế chính thức ra đời với những mục tiêu, tôn chỉ riêng của tổ chức, thường bị chi phối bởi các nước lớn. Các tổ chức xã hội dân sự toàn cầu rất đa dạng về tôn chỉ ra đời và hoạt động. Trong cơ cấu quản trị toàn cầu, các nhóm quan điểm và lợi ích có những vai trò to lớn như các tổ chức tôn giáo, cộng đồng

sắc tộc, cộng đồng nghề nghiệp, tổ chức từ thiện.

Các lực lượng xuyên quốc gia khác hướng tới mục tiêu nâng cao tỷ suất và khối lượng lợi nhuận thu được trên toàn cầu. Tất cả các chủ thể đều đang phát huy vai trò không thể thiếu và không thể thay thế trong việc quản trị đời sống xã hội trên phạm vi toàn cầu và đang cùng nhau xây dựng chế độ quản trị toàn cầu vì mục tiêu chung, riêng cùng song song tồn tại.

2.2. Tính chất của quản trị toàn cầu

Khác với cơ chế quản trị cũ, quản trị toàn cầu thế kỷ XXI, không mang tính mệnh lệnh, pháp quy, cưỡng chế cao mà mang tính đồng thuận, thống nhất và tự nguyện.

Quan hệ quản trị toàn cầu chuyển từ thuần túy theo chiều dọc, đơn cực, đơn chiều chuyển sang quan hệ đa nguyên, đa chiều, mạng lưới.

Mối quan hệ giữa các chủ thể quản trị toàn cầu là mối quan hệ biện chứng, là sự tác động qua lại. Quyền lực trong quản trị toàn cầu được phân tán hơn, các quốc gia đều có tiếng nói ít nhiều trong quản trị toàn cầu, kể cả những quốc gia nhỏ, mới nổi.

3. Khái quát thực trạng của quản trị toàn cầu hiện nay

Mục tiêu chung của quản trị toàn cầu là nhằm thúc đẩy hòa bình và hợp tác quốc tế, thúc đẩy phát triển toàn cầu. Tuy nhiên, trong mỗi giai đoạn, quản trị toàn cầu có những thay đổi do sự biến động của địa chính trị thế giới.

3.1. Quản trị toàn cầu sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay

Trong chiến tranh lạnh, mối quan hệ giữa Hoa Kỳ và Liên Xô vô cùng căng thẳng, xung đột giữa hai quốc gia cũng là biểu hiện cụ thể của xung đột giữa hệ thống tư bản chủ nghĩa với hệ thống xã hội chủ nghĩa trên toàn thế giới. Quản trị toàn cầu đã hình thành và phát triển bởi sự ra đời của hàng loạt các thể chế, định chế toàn cầu và khu vực. Mục tiêu của thể chế chung toàn cầu giai đoạn này là duy trì sự ổn định toàn cầu trong bối cảnh căng thẳng giữa các siêu cường Mỹ và Liên Xô, giải quyết các xung đột và xung đột ở châu Á, bao gồm việc triển khai lực lượng duy trì hòa bình và các nỗ lực hòa giải, tự do dân chủ, thị trường mở và an ninh chung.

Giai đoạn này có hàng loạt thể chế toàn cầu ra đời. Tiêu biểu như năm 1945, Liên hiệp quốc (UN) được thành lập, tiếp theo đó là các tổ chức toàn cầu thuộc UN ra đời, bao gồm Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (United Nations Educational Scientific and Cultural organization - UNESCO); Ngân hàng Thế giới (World Bank - WB); Quỹ Tiền tệ Quốc tế (International Monetary Fund - IMF). Tổ chức Y tế

Thế giới (World Health Organization - WHO); Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (World Intellectual Property Organization - WIPO); Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc (United Nations Human Rights Council - UNHRC); Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (United Nations International Children's Emergency Fund - UNICEF); Tổ chức Lao động Quốc tế (International Labour Organization - ILO); Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (Food and Agriculture Organization of the United Nations - FAO); Lực lượng Gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc (Department Of Peacekeeping Operations - DPKO); Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (International Civil Aviation Organization - ICAO).

Một số định chế khu vực ra đời và xây dựng những cơ chế hoạt động riêng như: Liên minh châu Âu (EU) thành lập năm 1957, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) thành lập năm 1967; Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (North Atlantic Treaty Organization-NATO) thành lập năm 1949, Nhóm G7 (Group of Seven) được thành lập vào năm 1976, G8 là nhóm 8 quốc gia công nghiệp hàng đầu của thế giới, bao gồm (Pháp, Đức, Italy, Nhật, Anh, Hoa Kỳ (G6, 1975), Canada (G7, 1976) và Nga (G8, 1998), G20 (Group of Twenty) được thành lập vào năm 1999 với mục đích nhằm thảo luận về những vấn đề kinh tế quan trọng, thúc đẩy các chính sách liên quan đến việc ổn định tình hình tài chính quốc tế cũng như định hướng phát triển cho nền kinh tế toàn cầu.

Một số thiết chế và định chế khác, chấp nhận giá trị và qui tắc riêng biệt ra đời, cũng có ý nghĩa với quản trị toàn cầu, bao gồm: SWIFT (Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu) một liên kết kinh tế đặt trụ sở tại Bỉ, có chức năng cung cấp các giao dịch tài chính thanh toán giữa các liên ngân hàng toàn cầu ra đời năm 1979; Tổ chức phi chính phủ (non-governmental organization - NGO) với chức năng tạo ra những hệ thống gắn kết và mạng lưới kết nối những cá nhân xuyên quốc gia, phi lợi nhuận, chuyên biệt về các lĩnh vực văn hóa, xã hội, chính trị, quyền con người, môi trường, bao gồm nhiều tổ chức khác nhau. Global Witness thành lập năm 1993, là một ví dụ cụ thể về một tổ chức phi chính phủ hoạt động vì mục tiêu bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, chống tham nhũng, bảo vệ nhân quyền trên phạm vi toàn thế giới. Hòa bình xanh (tên tiếng Anh: Greenpeace) là một tổ chức được thành lập ở Vancouver, British Columbia, Canada năm 1971, bảo vệ môi trường biển; Hiệp hội Quốc tế về Trao đổi Sinh viên Thực tập

Nghề nghiệp (The International Association for the Exchange of Students for Technical Experience - IAESTE); Tổ Chức Theo Dõi Nhân Quyền (Human Rights Watch - HRW) là một tổ chức phi chính phủ quốc tế về khủng bố và bạo loạn được thành lập năm 1988. Ủy ban cứu trợ nạn đói Oxford (Oxford Committee for Famine Relief □ Oxfam) là một liên minh quốc tế của 20 tổ chức làm việc tại 94 quốc gia trên toàn thế giới để tìm giải pháp lâu dài cho nghèo đói và bất công.

Thỏa thuận chung Paris thuộc Công ước khung của Liên Hiệp Quốc về biến đổi khí hậu (Paris Agreement) chi phối các biện pháp giảm carbon dioxide được ký kết tại Pari năm 2015.

Các thể chế kinh tế toàn cầu chi phối nền kinh tế thế giới như: Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) thành lập năm 1994 với chức năng giám sát các hiệp định thương mại giữa các nước thành viên với nhau theo các quy tắc thương mại. WTO ra đời với mục đích giảm và loại bỏ các rào cản thương mại quốc tế, hướng tới tự do hóa thương mại trên toàn cầu.

Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) thành lập năm 1989, Thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR) ra đời năm 1991.

Nghiên cứu cho thấy, bức tranh chung của quản trị toàn cầu là sự ra đời những thiết chế và thể chế quản trị toàn cầu, khu vực và lĩnh vực ở khắp nơi trên thế giới. Mỗi một quốc gia bất kỳ đều tham gia xây dựng và cam kết tuân thủ cơ chế hoạt động của một hoặc nhiều thiết chế toàn cầu, khu vực và lĩnh vực khác nhau.

3.2. Đặc điểm của quản trị toàn cầu hiện nay

Nghiên cứu cho thấy, quản trị toàn cầu hiện nay đang được thực hiện bởi các thiết chế và cơ chế quản trị toàn cầu, khu vực và lĩnh vực; quản trị toàn cầu đang bị chi phối dẫn dắt bởi các nước lớn; quản trị toàn cầu mang tính khách quan và hướng tới những mục tiêu vừa mang tính vĩnh viễn vừa mang tính lịch sử.

Một là, quản trị toàn cầu được thực hiện bởi các cơ chế được lập ra và thực hiện bởi các thiết chế toàn cầu, khu vực và lĩnh vực.

Như đã trình bày trong phần trên, một bức tranh khái lược nhất về quản trị toàn cầu được dựng lên. Quản trị toàn cầu trước hết được thực hiện bởi những định chế quản trị toàn cầu như UN, WTO, WB, IMF □ hầu hết các quốc gia đều phải tuân thủ những quy định được ghi trong những thỏa thuận có tính chất quốc tế này.

Bên cạnh những thể chế quản trị toàn cầu có những thể chế mang tính khu vực: EU, ASEAN, NATO □ các quốc gia trong khu vực thực hiện theo những quy định

của các thể chế này. Đồng thời, với tư cách là một khu vực, các quốc gia ngoài khu vực và các tổ chức khu vực khác phải tôn trọng những quy định của khu vực này khi muốn thiết lập quan hệ đối ngoại với các tổ chức này, cùng với những cơ chế quản trị riêng của từng quốc gia thiết lập quan hệ.

Ngoài ra, trong từng lĩnh vực cụ thể, các thiết chế và cơ chế quản trị toàn cầu đã được xây dựng và phát triển, bao gồm các quy định về chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng, môi trường, quyền con người. Các quốc gia muốn phát triển kinh tế trong bối cảnh toàn cầu, tránh được những rủi ro cần phải tham gia và thực hiện đầy đủ những nội dung thỏa thuận được xây dựng trong những định chế này.

Hai là, quản trị toàn cầu đang chịu sự ảnh hưởng chi phối bởi các siêu cường.

Ngay từ sau chiến tranh lạnh, nhiều quan điểm cho rằng quản trị toàn cầu chịu sự chi phối quyết định của Mỹ. Quan sát thực tế cho thấy, các thiết chế quản trị toàn cầu đều do Mỹ thiết kế, xây dựng và tài trợ tài chính lớn nhất cho quá trình hoạt động, bao gồm: Liên Hiệp Quốc (UN), IMF, WB. Mỹ thực hiện chiến lược ba cột lõi bao gồm, Sự lãnh đạo, bảo vệ an ninh chung, ngăn ngừa nổi lên bá quyền châu Á và châu Âu. Mỹ đang đóng góp tài chính và nhân sự (25% UN, IMF, WB, WHO.); Mỹ nắm quyền phủ quyết và quyền thực thi các biện pháp trừng phạt các quốc gia khác. Mỹ triển khai các dự án toàn cầu Marshall (1948), Kế hoạch Brady (3/1989), Fed (2008-09), cứu trợ nhân đạo, chống dịch bệnh...; Tổng thống Donald Trump xây dựng và thực thi chiến lược "American first"; Tổng thống Joe Biden với chiến lược "American back".

Mỹ đã xây dựng và vận hành hệ thống Bretton Woods từ 1944 đến 1976 với ước mơ của Roosevelt sử dụng USD là phương tiện thanh toán và dự trữ quốc tế duy nhất. Mặc dù đã sụp đổ năm 1976, tuy nhiên hệ thống này đã tạo ra sức ảnh hưởng lớn của nước Mỹ với nền kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, vai trò của Mỹ trong quản trị toàn cầu đã suy giảm, nguyên nhân chính là do những thể chế mà Mỹ xây dựng đã lộ rõ những hạn chế. Khủng hoảng tài chính châu Á 1997; thất bại Washington consensus; sáng kiến Chiang Mai (CMI); G20 nổi lên (1999). Trong giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2009, Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới đã không đủ nguồn lực tài chính, không có đầy đủ các căn cứ pháp lý để can thiệp, thực tế đó đã buộc cục dự trữ liên bang Mỹ có vai trò quyết định và

phối hợp với các ngân hàng trung ương các nước để giải quyết phần nào. Chủ nghĩa thực dân kinh tế của tổng thống Donald Trump (Trumponomics); cạnh tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc, xung đột vũ trang của Nga và Ukraina, Đại dịch Covid 19, WTO mất đi vai trò là thể chế chung của thị trường toàn cầu, đa phương giảm, chủ nghĩa đơn phương, song phương chủ nghĩa dân túy, bảo hộ và biệt lập có xu hướng bùng phát. Những nhân tố làm cho hệ thống quan hệ kinh tế quốc tế như thương mại, đầu tư, tài chính, công nghệ, lao động việc làm và du lịch quốc tế có nhiều đảo lộn, các kênh phân phối, các mối quan hệ truyền thống có nhiều thay đổi, đảo lộn và tan rã.

Cùng với đó là sự trỗi dậy của Trung Quốc và Nhóm các nền kinh tế mới nổi (tên viết tắt: BRICS). Nhiều nghiên cứu đã chỉ rõ một số sức mạnh mà Trung Quốc đã vươn lên và vượt qua Mỹ bao gồm: Tổng sản phẩm quốc nội (GDP); kỹ thuật công nghệ số (digital), đặc biệt trong lĩnh vực tiền tệ, đồng tiền kỹ thuật số do Ngân hàng Trung ương Trung Quốc phát hành (Digital Yuan) đang trở thành phương tiện thanh toán lớn; đô thị hóa (urbanization); cơ sở hạ tầng lớn nhất thế giới (sáng kiến vành đai, con đường - BRI) dự án cơ sở hạ tầng lớn nhất và tham vọng nhất; năng lượng xanh (green powerhouse) và các trường đại học thứ hạng cao, với 4 trường top 100 thế giới bao gồm: Đại học Bắc Kinh; Đại học Thanh Hoa; Đại học Giao thông Thượng Hải; Đại học Chiết Giang (năm 2023).

Thực tế đó chứng tỏ bước đầu Trung Quốc đã tham gia vào xây dựng thể chế quản trị toàn cầu với tư cách là người cùng thiết lập luật chơi và có quyền lãnh đạo trong các tổ chức toàn cầu, các tổ chức khu vực và các lĩnh vực trọng yếu hiện nay của toàn cầu như: IMF, WB, SWIFT, Digital Yuan, BRI. Trung Quốc chưa đạt đến mức loại bỏ hoàn toàn Mỹ hay các cường quốc khác trong thiết lập cơ chế quản trị toàn cầu, nhưng Trung Quốc đã bắt đầu có những động thái đòi thay đổi luật chơi, bước đầu tuyên bố bằng cả lời nói và hành động, quốc gia này đang dần vươn lên và tham gia vào đội ngũ lãnh đạo thế giới.

Tuy nhiên, địa chính trị luôn luôn biến động, quốc gia đóng vai trò chính trong việc thiết lập luật chơi cho toàn cầu phải thực sự là một quốc gia có thực lực hùng mạnh. Điều đó đồng nghĩa, để thực sự trở thành quốc gia quyết định luật chơi, Trung Quốc phải vượt Mỹ về mọi mặt, đó là con đường dài, không phải là một sớm, một chiều. Trung Quốc hiện đang đối diện với nhiều khó khăn cả từ bên trong và bên ngoài, đây cũng làm

cho con đường vươn lên của Trung Quốc cần có nhiều thời gian và nỗ lực quyết liệt hơn.

Trung Quốc cùng với nhóm các nước mới nổi (BRICS) sẽ tăng cường tiềm lực cho Trung Quốc để đòi hỏi không gian cho mình trong tương lai, đòi hỏi thay đổi rất lớn. Sự tham gia của các chủ thể này sẽ làm thay đổi trong sự tham dự quyết định toàn cầu theo hướng chia sẻ nhiều hơn từ Mỹ và phương Tây. Từ đó, thực tế đó tạo thế cân bằng, nhằm tránh khủng hoảng, xung đột toàn cầu. Đồng thời giải quyết tốt những khủng hoảng, xung đột toàn cầu trong tương lai phù hợp với lợi ích mọi bên.

Sự lớn mạnh của Trung Quốc, Đài Loan, khu vực Đông Á, chiến lược vành đai và con đường và địa chính trị, mở rộng kho vũ khí, trợ giúp các quốc gia gây bất ổn như Nga, Iran, Hamas: mở rộng không gian và sức mạnh địa chính trị nhằm tạo thế giới lưỡng cực chống lại Mỹ.

Công cuộc khôi phục vị trí của Nga. Trải qua hơn 30 năm Liên Xô sụp đổ, những năm đầu thế kỷ XXI cho thấy nước Nga bắt đầu hành trình tìm lại vị trí của một siêu cường, dần tham gia vào việc thiết lập cơ chế quản trị toàn cầu. Nước Nga đã thể hiện trách nhiệm quốc tế trong việc giải quyết những vấn đề quốc tế đang phát sinh và có những hành động để thúc đẩy quản trị toàn cầu đi theo những quan điểm, phương hướng và mục tiêu của Nga. Nga phản đối sự can thiệp quân sự của Mỹ vào Syria, yêu cầu giải quyết vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên. Giải quyết vấn đề Iran bằng con đường chính trị, ngoại giao. Nga đã tham gia nhiều chương trình nghị sự của nhóm các nền kinh tế mới nổi G20 và có nhiều những đóng góp tích cực cho hoạt động của tổ chức này. Nga đấu tranh mạnh mẽ chống lại những âm mưu can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia, đặc biệt là muốn lợi dụng việc này để xây dựng quyền lực, giành quyền bá chủ thế giới, thiết lập một nền quản trị toàn cầu độc quyền, chuyên chế, đơn cực lợi ích cho nước đứng đầu.

Ba là, quản trị toàn cầu là một cơ chế quản trị khách quan.

Cơ chế quản trị toàn cầu đang chi phối đến hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của mọi quốc gia, mọi doanh nghiệp và mọi người dân. Các cơ chế này đều là sản phẩm thỏa thuận của các nhóm lớn, và trở thành những quy định bắt buộc đối với các nước khi phát triển kinh tế, chính trị, xã hội phải tuân thủ.

Thực tế này đòi hỏi, các chính phủ cần hoàn thiện cơ chế quản trị quốc gia phù hợp với những chuẩn mực quản trị toàn cầu. Doanh nghiệp, các tổ chức kinh doanh khu vực và quốc tế muốn tham gia vào thị trường khu

vực và bất cứ quốc gia nào phải xem xét những thể chế khu vực và toàn cầu mà quốc gia đó đang tham gia để có những giải pháp kinh doanh phù hợp. Mỗi công dân toàn cầu, khi di chuyển, làm việc, học tập, định cư ở khắp các nước trên thế giới đều phải tuân thủ những quy định trong các cơ chế quản trị khu vực và toàn cầu đã quy định.

Bốn là, mục tiêu chiến lược của quản trị toàn cầu vừa có tính vĩnh viễn vừa có tính lịch sử.

Tính vĩnh viễn trong mục tiêu của quản trị toàn cầu là vì một thế giới tự do, bình đẳng, hạnh phúc. Đó là mục đích chân chính, luôn song song tồn tại và mang đậm chất nhân văn sâu sắc. Quản trị toàn cầu là một trong những phương pháp nhân loại sử dụng để định hướng hoạt động toàn cầu tới mục tiêu chung đó. Tuy nhiên, trong mỗi giai đoạn phát triển, dưới sự biến động của địa chính trị, quan hệ quốc tế và khu vực, sẽ nổi lên những mục tiêu cụ thể cần giải quyết.

Nếu trong chiến tranh lạnh, các thể chế toàn cầu tập trung giải quyết xung đột trực tiếp thì sau chiến tranh lạnh, quản trị toàn cầu chuyển sang việc phòng ngừa xung đột, phát triển bền vững, và bảo vệ quyền con người, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội toàn cầu.

Sau chiến tranh lạnh, nhiều định chế có liên quan đến các lĩnh vực này ra đời. Ngay trong những định chế toàn cầu đã thành lập trong thời kỳ chiến tranh lạnh cũng bổ sung những nội dung, chương trình nghị sự liên quan đến vấn đề này.

Ngày nay, quản trị toàn cầu tập trung vào giải quyết những thách thức chung với toàn nhân loại về kinh tế, xã hội và môi trường.

Tóm lại, nghiên cứu cho thấy, quản trị toàn cầu đã xuất hiện từ lâu trong lịch sử, tuy nhiên nghiên cứu toàn diện, sâu sắc về nội dung này mới chỉ ở giai đoạn ban đầu. Bài viết bước đầu làm rõ bản chất, nguyên nhân, thực trạng, đặc điểm của quản trị toàn cầu. Cung cấp những cái nhìn khoa học cho các bước nghiên cứu tiếp theo về vấn đề này./.

(1) Harold Koontz, Heinz Weihrich (2006), *Essentials of Management*, 7th edn, Mc Graw Hill Co.

(2) D.Torington (1994), *Tiếp xúc mặt đối mặt trong quản lý*, Nxb. Khoa học kỹ thuật.

(3) <https://www.wzb.eu/system/files/docs/ipl/gg/GG-Programme.pdf>.

(4) Nguyễn Việt Thảo (2007), *Quản lý toàn cầu trong thế giới toàn cầu hóa*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/1727/quan-ly-toan-cau-trong-the-gioi-toan-cau-hoa.aspx>.